SỞ TƯ PHÁP TỈNH ĐẮK LẮK

**TRUNG TÂM TRỢ GIÚP PHÁP LÝ NHÀ NƯỚC**

****

**TÀI LIỆU TẬP HUẤN**

**TÌM HIỂU CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN ĐƯỢC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ**

*Đắk Lắk, tháng 11/2021*

**TRỢ GIÚP PHÁP LÝ**

**TÌM HIỂU CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ**

**QUYỀN ĐƯỢC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ**

Ngày 25/5/2021, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ban hành Thông tư số 03/2021/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý; Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày 28/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số hoạt động nghiệp vụ trợ giúp pháp lý và quản lý chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý. Tại mục 12 Điều 2 Thông tư số 03/2021/TT-BTP quy định về trách nhiệm giải thích, giới thiệu về trợ giúp pháp lý của Phòng Tư pháp và Ủy ban nhân dân cấp xã. Theo đó: *Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ liên quan đến công dân, Phòng Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm giải thích quyền được trợ giúp pháp lý và giới thiệu đến Trung tâm* *trợ giúp pháp lý. Trường hợp người thuộc diện được trợ giúp pháp lý là người bị buộc tội, bị hại, đương sự trong các vụ việc tham gia tố tụng cư trú trên địa bàn thì Ủy ban nhân dân cấp xã giới thiệu theo mẫu số 13 ban hành kèm theo Thông tư này* (Mẫu số 13-TP-TGPL).

Để cung cấp các quy định pháp luật có liên quan, tạo điều kiện thuận lợi cho Phòng Tư pháp và Ủy ban nhân dân cấp xã giải thích quyền được trợ giúp pháp lý (TGPL) và giới thiệu đối tượng được TGPL đến Trung tâm trợ giúp pháp lý (Trung tâm) được kịp thời, đầy đủ. Trung tâm TGPL nhà nước tỉnh giới thiệu một số nội dung cơ bản như sau:

**1. Xác định đối tượng là người được trợ giúp pháp lý**

 Người được TGPL được quy định tại Điều 7 Luật TGPL năm 2017 gồm những đối tượng sau:

*1.* *Người có công với cách mạng;*

*2. Người thuộc hộ nghèo;*

*3. Trẻ em;*

*4. Người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn tại địa bàn tỉnh Đắk Lắk - xem mục….);*

*5. Người bị buộc tội từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi;*

*6. Người bị buộc tội thuộc hộ cận nghèo;*

*7. Người thuộc một trong các trường hợp sau đây có khó khăn về tài chính:*

*a) Cha đẻ, mẹ đẻ, vợ, chồng, con của liệt sĩ và người có công nuôi dưỡng khi liệt sĩ còn nhỏ;*

*b) Người nhiễm chất độc da cam;*

*c) Người cao tuổi;*

*d) Người khuyết tật;*

*đ) Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi là bị hại trong vụ án hình sự;*

*e) Nạn nhân trong vụ việc bạo lực gia đình;*

*g) Nạn nhân của hành vi mua bán người theo quy định của Luật Phòng, chống mua bán người;*

*h) Người nhiễm HIV.*

**2. Xác định giấy tờ chứng minh người được TGPL**

 Theo quy định tại Điều 33 Thông tư số 08/2018/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật TGPL và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động TGPL và khoản 13 Điều 1 Thông tư số 03/2021/TT-BTP thì giấy tờ chứng minh đối với từng đối tượng là người được TGPL như sau:

 ***2.1. Giấy tờ chứng minh là người có công với cách mạng gồm một trong các giấy tờ sau:***

- Quyết định của cơ quan có thẩm quyền công nhận là người có công với cách mạng theo quy định của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng;

- Quyết định phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến;

- Huân chương Kháng chiến, Huy chương Kháng chiến, Bằng Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Bằng Anh hùng, Bằng Có công với nước;

- Quyết định trợ cấp, phụ cấp do cơ quan có thẩm quyền cấp xác định là người có công với cách mạng theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng;

- Quyết định hoặc giấy chứng nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh, bệnh tật do nhiễm chất độc hóa học, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học;

- Kỷ niệm chương Tổ quốc ghi công đối với người có công giúp đỡ cách mạng, Giấy chứng nhận người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945, Giấy chứng nhận người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945, Huân chương Chiến thắng, Huy chương Chiến thắng.

***2.2. Giấy tờ chứng minh là người thuộc hộ nghèo***

Giấy Chứng nhận hộ nghèo (Giấy chứng nhận hộ nghèo được cấp cho các hộ gia đình làm căn cứ để xác định những người có tên trên giấy đó được thụ hưởng các chính sách dành cho hộ đó có chính sách về TGPL).

***2.3. Giấy tờ chứng minh là trẻ em gồm trong các giấy tờ sau:*** (Điều 1 Luật Trẻ em năm 2016 quy định trẻ em là người dưới 16 tuổi).

- Sổ hộ khẩu *(có giá trị đến tháng 12/2022 – khoản 3 Điều 38 Luật cư trú năm 2020)*, Giấy khai sinh, chứng minh nhân dân, căn cước công dân, hộ chiếu hoặc các giấy tờ hợp pháp khác do cơ quan có thẩm quyền cấp mà dựa vào đó có thể biết rằng người có tên trong đó là trẻ em;

- Giấy khai sinh, sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân, căn cước công dân, hộ chiếu hoặc các giấy tờ hợp pháp khác do cơ quan có thẩm quyền cấp mà dựa vào đó có thể biết rằng người có tên trong đó là trẻ em;

- Văn bản của cơ quan tiến hành tố tụng xác định người có yêu cầu TGPL là trẻ em;

- Văn bản của cơ quan có thẩm quyền về áp dụng biện pháp xử lý hành chính hoặc xử phạt vi phạm hành chính xác định người có yêu cầu TGPL là trẻ em.

***2.4. Giấy tờ chứng minh là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn gồm một trong các giấy tờ sau:***

- Giấy tờ hợp pháp do cơ quan có thẩm quyền cấp xác định người có tên trong giấy tờ đó là người dân tộc thiểu số và nơi cư trú của người đó. Giấy tờ hợp pháp có thể là: Sổ hộ khẩu, sổ tạm trú *(có giá trị đến tháng 12/2022 – khoản 3 Điều 38 Luật cư trú năm 2020),* xác nhận thông tin về cư trú, Thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; Căn cước công dân;...

- Văn bản của cơ quan tiến hành tố tụng xác định người có yêu cầu TGPL là người dân tộc thiểu số và nơi cư trú của người đó.

***Lưu ý:*** *Việc xác định “Vùng điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn” trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk theo quy định hiện nay xem phần 10 tài liệu này*

***2.5. Giấy tờ chứng minh là người bị buộc tội từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi***

Là văn bản của cơ quan tiến hành tố tụng xác định người có yêu cầu TGPL là người bị buộc tội từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi.

Các văn bản do cơ quan tiến hành tố tụng có chứa các thông tin về độ tuổi của người được TGPL và các giấy tờ của cơ quan tiến hành tố tụng có thể xác định được độ tuổi của người bị buộc tội gồm: Quyết định tạm giam, tạm giữ; Quyết định khởi tố bị can...

***2.6. Giấy tờ chứng minh là người bị buộc tội thuộc hộ cận nghèo gồm các giấy tờ sau:***

- Giấy chứng nhận hộ cận nghèo (Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cấp);

- Giấy tờ chứng minh là người bị buộc tội: Văn bản của cơ quan tiến hành tố tụng xác định người có yêu cầu TGPL là người bị buộc tội bao gồm: Quyết định tạm giam, tạm giữ; Quyết định khởi tố bị can; Quyết định đưa vụ án ra xét xử...

*Lưu ý: Đối với người bị buộc tội thuộc hộ cận nghèo để được TGPL cần phải đồng thời xuất trình: Giấy chứng nhận thuộc hộ cận nghèo và giấy tờ chứng minh là người bị buộc tội.*

***2.7. Các giấy tờ chứng minh thuộc diện trợ giúp pháp lý của nhóm người có khó khăn về tài chính (khoản 7 Điều 7 Luật Trợ giúp pháp lý)***

*- Giấy tờ chứng minh là cha đẻ, mẹ đẻ, Vợ, chồng, con của liệt sĩ và người có công nuôi dưỡng khi liệt sĩ còn nhỏ có khó khăn về tài chính gồm các giấy tờ sau đây:*

+ Giấy chứng nhận hộ cận nghèo hoặc quyết định hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng hoặc quyết định tiếp nhận đối tượng vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại nhà xã hội, cơ sở bảo trợ xã hội;

+ Quyết định của cơ quan có thẩm quyền về trợ cấp ưu đãi, trợ cấp tiền tuất đối với cha đẻ, mẹ đẻ, Vợ, chồng, con của liệt sĩ và người có công nuôi dưỡng khi liệt sĩ còn nhỏ hoặc Giấy chứng nhận gia đình liệt sỹ, Bằng tổ quốc ghi công có tên liệt sỹ kèm theo giấy tờ chứng minh mối quan hệ thân nhân với liệt sỹ.

*- Giấy tờ chứng minh là người nhiễm chất độc da cam có khó khăn về tài chính gồm các giấy tờ sau đây:*

+ Giấy chứng nhận hộ cận nghèo hoặc quyết định hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng hoặc quyết định tiếp nhận đối tượng vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại nhà xã hội, cơ sở bảo trợ xã hội;

+ Quyết định về việc trợ cấp ưu đãi đối với con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học hoặc Giấy chứng nhận bệnh tật, dị dạng, dị tật do nhiễm chất độc hóa học.

*- Giấy tờ chứng minh là người cao tuổi có khó khăn về tài chính gồm một trong các giấy tờ sau đây: (*Theo quy định của Luật Người cao tuổi năm 2009, người cao tuổi là công dân Việt Nam từ đủ 60 tuổi trở lên)

+ Quyết định hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, Quyết định tiếp nhận đối tượng vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại nhà xã hội, cơ sở bảo trợ xã hội;

+ Giấy chứng nhận hộ cận nghèo kèm theo giấy tờ hợp pháp do cơ quan có thẩm quyền cấp xác định người có tên trong giấy là người cao tuổi (Chứng minh nhân dân, căn cước công dân, sổ hộ khẩu và các giấy tờ khác do cơ quan có thẩm quyền cấp mà căn cứ vào đó có thể xác nhận là người cao tuổi).

*- Giấy tờ chứng minh là người khuyết tật có khó khăn về tài chính gồm một trong các giấy tờ sau đây:*

+ Giấy chứng nhận hộ cận nghèo kèm theo Giấy chứng nhận khuyết tật do cơ quan có thẩm quyền cấp;

+ Quyết định hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng; Quyết định tiếp nhận đối tượng vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại nhà xã hội, cơ sở bảo trợ xã hội.

*- Giấy tờ chứng minh là người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi là bị hại trong vụ án hình sự có khó khăn về tài chính gồm các giấy tờ sau đây:*

+ Giấy chứng nhận hộ cận nghèo hoặc quyết định hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng hoặc quyết định tiếp nhận đối tượng vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại nhà xã hội, cơ sở bảo trợ xã hội;

+ Văn bản của cơ quan tiến hành tố tụng xác định người có yêu cầu TGPL là bị hại và từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi.

*- Giấy tờ chứng minh là nạn nhân trong vụ việc bạo lực gia đình có khó khăn về tài chính gồm một trong các giấy tờ sau đây:*

+ Quyết định tiếp nhận nạn nhân bạo lực gia đình vào nhà xã hội, cơ sở bảo trợ xã hội;

+ Giấy chứng nhận hộ cận nghèo kèm theo một trong các loại giấy tờ: Giấy xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh về việc khám và điều trị thương tích do hành vi bạo lực gia đình gây ra; Quyết định cấm người gây bạo lực gia đình tiếp xúc với nạn nhân bạo lực gia đình; Quyết định xử lý vi phạm hành chính với người có hành vi bạo lực gia đình.

*- Giấy tờ chứng minh là nạn nhân của hành vi mua bán người theo quy định của Luật Phòng, chống mua bán người có khó khăn về tài chính gồm các giấy tờ sau đây:*

+ Giấy chứng nhận hộ cận nghèo hoặc quyết định hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng hoặc quyết định tiếp nhận đối tượng vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại nhà xã hội, cơ sở bảo trợ xã hội;

+ Giấy tờ, tài liệu chứng nhận nạn nhân gồm (Điều 28 Luật Phòng, chống mua bán người): Giấy xác nhận của cơ quan Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; Giấy xác nhận của cơ quan giải cứu của Cơ quan Công an, Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển; Giấy xác nhận của cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân; Giấy tờ, tài liệu do cơ quan nước ngoài cấp đã được cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài hoặc Bộ Ngoại giao Việt Nam hợp pháp hóa lãnh sự chứng minh người đó là nạn nhân.

*- Giấy tờ chứng minh là người nhiễm HIV có khó khăn về tài chính gồm các giấy tờ sau đây:*

+ Giấy chứng nhận hộ cận nghèo hoặc quyết định hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng hoặc quyết định tiếp nhận đối tượng vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại nhà xã hội, cơ sở bảo trợ xã hội;

+ Giấy xác nhận của cơ quan có thẩm quyền cấp xác định là người nhiễm HIV.

***2.8. Các loại giấy tờ khác do cơ quan có thẩm quyền cấp xác định được người thuộc diện trợ giúp pháp lý theo quy định của luật TGPL***

Giấy tờ hợp pháp do cơ quan có thẩm quyền cấp mà có các thông tin xác định được người thuộc diện TGPL thì có thể sử dụng làm căn cứ chứng minh diện người được TGPL. Có thể nêu một số loại giấy tờ như sau:

- Thẻ bảo hiểm y tế được Bảo hiểm xã hội Việt Nam quy định tại Quyết định số 1351/QĐ-BHXH ngày 16/11/2015, trong đó đã giải thích rõ các mã số ghi trên thẻ bảo hiểm y tế, thông qua đó xác định được thông tin của người được hưởng bảo hiểm y tế (Điều 2 và Điều 4). Với các thông tin này có thể xác định được diện người được TGPL theo quy định Luật TGPL. Bên cạnh đó, theo Quyết định số 959/QĐ-BHXH ngày 09/9/2015 ban hành quy định về quản lý thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp; quản lý sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế của Tổng Giám đốc bảo hiểm xã hội Việt Nam thì việc cấp thẻ bảo hiểm y tế do cơ quan bảo hiểm y tế cấp huyện cấp. Như vậy, có thể sử dụng thẻ bảo hiểm y tế là giấy tờ xác minh diện người được TGPL.

- Sổ trợ cấp xã hội hàng tháng do cơ quan có thẩm quyền cấp mà trên sổ có ghi rõ diện đối tượng như người cao tuổi, người khuyết tật...

*Lưu ý: Thông tư số 08/2017/TT-BTP còn quy định trường hợp những người thuộc diện được trợ giúp pháp lý bị thất lạc các giấy tờ nêu trên thì phải có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền đã cấp giấy tờ đó.*

**3. Xác định mối liên quan giữa yêu cầu trợ giúp pháp lý với các quyền, lợi ích hợp pháp của người được trợ giúp pháp lý**

Theo quy định tại khoản 1 Điều30 Luật TGPL thì yêu cầu trợ giúp pháp lý chỉ được thụ lý khi có vụ việc cụ thể liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của người được trợ giúp pháp lý. Như vậy, một trong những điều kiện vụ việc được Trung tâm thụ lý là vụ việc phải liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của người được TGPL. Do đó, cần xem xét kỹ đơn yêu cầu TGPL, các giấy tờ, tài liệu có liên quan để xác định mối liên quan giữa yêu cầu TGPL với quyền và lợi ích hợp pháp của người được TGPL. Vụ việc được coi là không liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của người được TGPL là những vụ việc không gắn liền quyền và lợi ích của người đó hoặc người được trợ giúp pháp lý không phải là một trong các bên có quyền và nghĩa vụ liên quan đến vụ việc yêu cầu trợ giúp pháp lý (*Ví dụ: Một người là thương binh yêu cầu trợ giúp pháp lý cho em trai mình).*

Trong thực tế có một số trường hợp một nhóm người có tranh chấp đất đai với một cá nhân, họ ủy quyền cho một người thuộc diện được TGPL để khởi kiện giải quyết tranh chấp, người được ủy quyền có một phần quyền lợi trong vụ việc. Như vậy, xét về mối liên quan thì vụ việc có liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của người được TGPL. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 7 Luật TGPL năm 2017 thì nhóm người không phải đối tượng thuộc diện TGPL nên người được TGPL không được đại diện cho một nhóm người để yêu cầu TGPL.

**4. Xác định phạm vi thực hiện trợ giúp pháp lý**

Theo quy định tại Điều 26 Luật TGPL năm 2017 thì Trung tâm TGPL nhà nước thực hiện TGPL thuộc một trong các trường hợp sau đây: Người được TGPL đang cư trú tại địa phương; Vụ việc TGPL xảy ra tại địa phương; Vụ việc TGPL do cơ quan có thẩm quyền về TGPL ở Trung ương yêu cầu. Tổ chức ký hợp đồng thực hiện TGPL thực hiện TGPL trong phạm vi hợp đồng. Tổ chức đăng ký tham gia thực hiện TGPL thực hiện TGPL trong phạm vi đăng ký.

 Để xác định người được TGPL có đang cư trú tại địa phương không, thì căn cứ vào Luật Cư trú. Cụ thể: Theo quy định tại Điều 1 của Luật Cư trú thì cư trú là việc công dân sinh sống tại một địa điểm thuộc xã, phường, thị trấn dưới hình thức thường trú hoặc tạm trú. Theo quy định tại Điều 12 Luật Cư trú thì: Nơi cư trú của công dân là nơi thường trú hoặc nơi tạm trú. Nơi thường trú là nơi công dân sinh sống thường xuyên, ổn định, không có thời hạn tại một chỗ ở nhất định và đã đăng ký thường trú. Nơi tạm trú là nơi công dân sinh sống ngoài nơi đăng ký thường trú và đã đăng ký tạm trú. Trường hợp không xác định được nơi cư trú của công dân theo các trường hợp nêu trên thì nơi cư trú của công dân là nơi người đó đang sinh sống.

***4.1 Xác định thường trú:*** Người được coi là thường trú tại một xã, phường, thị trấn là người có hộ khẩu tại xã, phường, thị trấn đó. Điều 18 Luật Cư trú quy định: “Đăng ký thường trú là việc công dân đăng ký nơi thường trú của mình với cơ quan nhà nước có thẩm quyền và được cơ quan này làm thủ tục đăng ký thường trú, cấp sổ hộ khẩu cho họ”. Điều 24 Luật Cư trú quy định: *“Sổ hộ khẩu được cấp cho hộ gia đình hoặc cá nhân đã đăng ký thường trú và có giá trị xác định nơi thường trú của công dân”.*

***4.2 Xác định tạm trú:*** Một người được xác định tạm trú tại xã, phường, thị trấn khi họ đã đăng ký tạm trú theo quy định và được cấp sổ tạm trú. Điều 30 Luật Cư trú quy định *“Đăng ký tạm trú là việc công dân đăng ký nơi tạm trú của mình với cơ quan nhà nước có thẩm quyền và được cơ quan này làm thủ tục đăng ký tạm trú, cấp sổ tạm trú cho họ. Người đang sinh sống, làm việc, lao động, học tập tại một địa điểm thuộc xã, phường, thị trấn nhưng không thuộc trường hợp được đăng ký thường trú tại địa phương đó thì trong thời hạn ba mươi ngày,* *kể từ ngày đến phải đăng ký tạm trú tại Công an xã, phường, thị trấn”.*

*Lưu ý: Tạm trú khác với lưu trú. Lưu trú là việc công dân ở lại trong một thời gian nhất định tại địa điểm thuộc xã, phường, thị trấn ngoài nơi cư trú của mình và thuộc trường hợp phải đăng ký tạm trú (Điều 31 Luật Cư trú).*

***Ví dụ:*** *Người đi công tác trong 02 ngày tại tỉnh A thì sẽ thực hiện thủ tục lưu trú mà không phải là đăng ký tạm trú và không được cấp sổ tạm trú.*

**5. Xác định lĩnh vực trợ giúp pháp lý**

Theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật TGPL thì Trợ giúp pháp lý được thực hiện trong các lĩnh vực pháp luật, trừ lĩnh vực kinh doanh, thương mại.

Như vậy, người thuộc diện TGPL được TGPL trong các lĩnh vực pháp luật (Hình sự, dân sự, hành chính....) chỉ trừ lĩnh vực kinh doanh, thương mại là không thuộc lĩnh vực pháp luật được TGPL.

Vụ việc được coi là thuộc lĩnh vực kinh doanh, thương mại khi vụ việc đó có liên quan đến việc thực hiện một, một số hoặc tất cả các công đoạn của quá trình đầu tư, từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm hoặc cung ứng dịch vụ trên thị trường nhằm mục đích sinh lời (bao gồm mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ thương mại, đầu tư, xúc tiến thương mại…).

***Ví dụ****: Một người là thương binh yêu cầu trợ giúp pháp lý về thủ tục thành lập công ty kinh doanh nông sản.*

**6. Xác định hình thức trợ giúp pháp lý**

 Theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Luật TGPL thì các hình thức trợ giúp pháp lý bao gồm:

***- Tham gia tố tụng:***

Người thực hiện TGPL tham gia tố tụng với tư cách là người bào chữa hoặc người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người được TGPL theo quy định của Luật TGPL và pháp luật về tố tụng.

***- Tư vấn pháp luật:***

Người thực hiện TGPL tư vấn pháp luật cho người được TGPL bằng việc hướng dẫn, đưa ra ý kiến, giúp soạn thảo văn bản liên quan đến tranh chấp, khiếu nại, vướng mắc pháp luật; hướng dẫn giúp các bên hòa giải, thương lượng, thống nhất hướng giải quyết vụ việc.

***- Đại diện ngoài tố tụng:***

Người thực hiện TGPL đại diện ngoài tố tụng cho người được TGPL trước cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

*Lưu ý:* Người được TGPL chỉ được yêu cầu Trung tâm thực hiện TGPL cho mình với 3 hình thức TGPL trên, còn đối với yêu cầu TGPL bằng các hình thức khác Trung tâm từ chối thực hiện TGPL.

**7. Hướng dẫn người yêu cầu trợ giúp pháp lý cung cấp các giấy tờ, tài liệu liên quan đến vụ việc TGPL.**

Ngoài việc căn cứ vào đơn và lời trình bày của người yêu cầu TGPL, đối với những vụ việc phức tạp, người thực hiện TGPL cần nghiên cứu toàn diện các giấy tờ, tài liệu có liên quan đến vụ việc TGPL mới có thể tiến hành trợ giúp toàn diện chính xác được. Do vậy, người yêu cầu TGPL cần phải cung cấp các giấy tờ, tài liệu liên quan đến vụ việc TGPL.

 *Ví dụ:* Nếu đối tượng yêu cầu tư vấn về một vụ tranh chấp đất đai thì cần hướng dẫn họ cung cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, biên bản hòa giải, quyết định giải quyết của cơ quan có thẩm quyền, bản án của Tòa án,...

- Trong vụ án hình sự, ngoài các tài liệu, giấy tờ có thể làm chứng cứ của vụ án (nếu có) thì tùy theo từng giai đoạn tố tụng và tư cách tham gia tố tụng, người có yêu cầu phải xuất trình một trong các giấy tờ liên quan đến giai đoạn tố tụng. Một số giấy tờ có liên quan là: Quyết định tạm giữ; Quyết định khởi tố bị can; Giấy triệu tập lấy lời khai; Kết luận điều tra; Cáo trạng; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Bản án, Quyết định chưa có hiệu lực pháp luật của Tòa án hoặc các giấy tờ khác chứng minh vụ việc đang được các cơ quan tiến hành tố tụng thụ lý mà qua đó cho thấy người có yêu cầu là người bị tạm giữ, bị can, bị cáo, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự hoặc người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án hình sự đó.

- Trong vụ, việc dân sự hoặc vụ án hành chính thì vụ việc của người có yêu cầu đã được Tòa án có thẩm quyền thụ lý hoặc có căn cứ để Tòa án thụ lý. Tùy từng giai đoạn tố tụng, ngoài các tài liệu, giấy tờ có thể làm căn cứ (nếu có) người có yêu cầu phải xuất trình một trong các giấy tờ sau: Biên lai thu tiền tạm ứng án phí; Thông báo thụ lý; Giấy triệu tập đương sự; Bản án, Quyết định của Tòa án hoặc giấy tờ khác chứng minh người có yêu cầu là nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự hoặc người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ, việc dân sự, người khởi kiện hoặc người có nghĩa vụ liên quan trong vụ án hành chính, lao động.

*Lưu ý: Các giấy tờ cung cấp không bị sửa chữa, tẩy xóa, cắt dán; Giấy tờ phải do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn thời hạn sử dụng. Sau khi kiểm tra tính hợp lệ của giấy tờ chứng minh đối tượng, người tiếp nhận yêu cầu TGPL của Trung tâm lưu giữ bản sao hoặc bản sao có chứng thực vào hồ sơ vụ việc.*

Như vậy, khi giải thích quyền được TGPL và giới thiệu đến Trung tâm, thì ngoài việc việc hướng dẫn họ cung cấp giấy tờ chứng minh đối tượng được TGPL còn phải hướng dẫn đối tượng cung cấp các giấy tờ, tài liệu liên quan đến vụ việc TGPL để có cơ sở Trung tâm thụ lý và phân công người thực hiện TGPL.

**8. Giải thích một số quyền cơ bản của người được trợ giúp pháp lý**

Theo quy định tại Điều 8 Luật TGPL thì có thể xác định một số quyền cơ bản của người được TGPL như như sau:

*8.1. Được trợ giúp pháp lý mà không phải trả tiền, không phải trả bất kỳ lợi ích vật chất hoặc lợi ích khác.*

Khi đủ điều kiện là người được TGPL thì họ có quyền yêu cầu tổ chức thực hiện TGPL, người thực hiện TGPL trợ giúp cho họ theo tất cả các hình thức: Từ tư vấn pháp luật, tham gia tố tụng đại diện ngoài tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình mà không phải trả bất kỳ khoản tiền hay lợi ích nào khác. Lợi ích khác có thể là lợi ích vật chất hoặc phi vật chất. Lợi ích vật chất như: Tiền, ngoại tệ, kim loại quý... lợi ích khác có thể kể là bắt phải thực hiện một công việc nào đó trái ý muốn...

Trong trường hợp người thực hiện TGPL hoặc tổ chức thụ hiện TGPL trong quá trình thực hiện TGPL có hành vi nhận hoặc đòi hỏi bất kỳ một khoản tiền, lợi ích vật chất hoặc lợi ích khác từ người được TGPL thì người được TGPL có quyền tố cáo hành vi trên với cơ quan có thẩm quyền để giải quyết.

*8.2. Tự mình hoặc thông qua người thân thích, cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác yêu cầu trợ giúp pháp lý*

Quy định này nhằm tạo thuận lợi cho người được TGPL, nhất là trong trường hợp người được TGPL là người bị buộc tội theo quy định pháp luật về tố tụng trong trường hợp họ bị bệnh hiểm nghèo hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự mà không thể tự mình thực hiện được quyền yêu cầu TGPL thì họ có thể thông qua người thân thích, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, tổ chức, cá nhân khác yêu cầu TGPL.

*(Người thân thích của người được TGPL được xác định căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 bao gồm: Vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, bố nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, anh ruột, chị ruột, em ruột, cụ nội, cụ ngoại, bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột, cháu ruột).*

- Việc quy định người được TGPL có quyền tự mình hoặc thông qua người thân thích, cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác yêu cầu TGPL có ý nghĩa đặc biệt đối với người chưa thành niên. Với đặc điểm của người chưa thành niên là chưa phát triển đầy đủ về nhân thức, thể chất và tâm lý do giới hạn của độ tuổi nên khi quyền và lợi ích hợp pháp bị các chủ thể khác xâm hại họ không biết hoặc biết nhưng không thể tự mình sử dụng các quyền mà pháp luật trao cho để tự bảo vệ, vì vậy, thông qua quy định: *“người được TGPL có quyền tự mình hoặc thông qua người thân thích, cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác yêu cầu TGPL”,* đây được xem là cơ chế bảo đảm cho quyền yêu cầu TGPL của người chưa thành niên trong trường hợp họ không biết hoặc không thể tự mình thực hiện được quyền yêu cầu TGPL.

- Việc quy định này cũng nhằm bảo đảm quyền yêu cầu TGPL đối với người được TGPL thuộc một số nhóm đối tượng đặc thù, ví dụ: đối tượng là người khuyết tật ở dạng thần kinh hoặc tâm thần, những người này khi tham gia tố tụng nếu bị Tòa án ra Quyết định tuyên bố là người mất năng lực hành vi dân sự thì họ không thể tự mình tham gia vào quy trình tố tụng để tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chính mình.

*8.3. Yêu cầu giữ bí mật về nội dung vụ việc trợ giúp pháp lý*

Khi tổ chức thực hiện TGPL thụ lý vụ việc TGPL, người được TGPL có quyền yêu cầu tổ chức thực hiện TGPL và người thực hiện TGPL giữ bí mật về nội dung vụ việc TGPL. Tổ chức thực hiện TGPL và người thực hiện TGPL có trách nhiệm giữ bí mật về nội dung vụ việc TGPL.

Việc quy định người được TGPL có yêu cầu giữ bí mật về nội dung vụ việc TGPL là quy định quan trọng và đặc biệt cần thiết đối với người được TGPL là người chưa thành niên nhất là đối với người chưa thành niên là nạn nhân trong các vụ án về xâm hại tình dục, nạn nhân bạo lực gia đình, nạn nhân của tội mua bán người hoặc người bị nhiễm HIV...

 *8.4. Thay đổi, rút yêu cầu trợ giúp pháp lý*

 Trong quá trình TGPL, người được TGPL có toàn quyền định đoạt trong việc thay đổi hoặc rút yêu cầu TGPL vào bất cứ lúc nào khi họ không còn vướng mắc hoặc tự giải quyết được. Nếu có thay đổi hoặc rút yêu cầu TGPL thì người được TGPL phải làm đơn nêu rõ yêu cầu thay đổi hoặc rút yêu cầu TGPL.

 **9. Hướng dẫn nộp hồ sơ yêu cầu trợ giúp pháp lý**

 Theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Luật TGPL thì việc nộp hồ sơ yêu cầu trợ giúp pháp lý được thực hiện như sau:

- ***Nộp trực tiếp***: Trường hợp nộp trực tiếp tại trụ sở của tổ chức thực hiện TGPL, người yêu cầu TGPL nộp các giấy tờ, tài liệu theo quy định; xuất trình bản chính hoặc nộp bản sao có chứng thực giấy tờ chứng minh là người được TGPL. Trường hợp người yêu cầu TGPL không thể tự mình viết đơn yêu cầu thì người tiếp nhận yêu cầu TGPL sẽ có trách nhiệm ghi các nội dung vào mẫu đơn để người yêu cầu TGPL tự đọc hoặc người tiếp nhận đọc lại cho người yêu cầu nghe, người yêu cầu ký tên hoặc điểm chỉ vào đơn.

*-****Nộp qua dịch vụ bưu chính****:* Trường hợp gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính, người yêu cầu TGPL nộp các giấy tờ, tài liệu theo quy định, bản sao có chứng thực giấy tờ chứng minh là người được TGPL;

***- Gửi qua fax, hình thức điện tử:*** Trường hợp gửi hồ sơ qua fax, hình thức điện tử, khi gặp người thực hiện TGPL, người yêu cầu TGPL phải xuất trình bản chính hoặc nộp bản sao có chứng thực giấy tờ chứng minh là người được TGPL.

Hiện nay Trung tâm TGPL tỉnh Đắk Lắk chưa sử dụng số fax nên chỉ có thể tiếp nhận hồ sơ TGPL bằng hình thức thư điện tử: tgpldaklak@gov.vn.

**10. Người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được hưởng chính sách TGPL miễn phí trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.**

Theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 06/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 612/QĐ-UBDT ngày 16/9/2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về việc phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2025 và Công văn số 733/BDT-CSDT ngày 29/9/2021 của Ban Dân tộc tỉnh Đắk Lắk về việc triển khai Quyết định số 612/QĐ-UBDT ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban dân tộc, thì xác định đượcngười dân tộc thiểu số cư trú ở các xã, thôn, buôn đặc biệt khó khăntrên địa bàn tỉnh Đắk Lắk thuộc diện được TGPL. Cụ thể như sau:

**10.1. Huyện Ea Súp**

|  |
| --- |
| **Xã đặc biệt khó khăn:** |
| Cư Mlan, Cư Kbang, Ea Rốk, Ia Jlơi, Ea Lê, Ia Rvê, Ia Lốp, Ya Tờ Mốt. |

**10.2. Huyện Buôn Đôn**

|  |
| --- |
| **Các xã đặc biệt khó khăn:** |
| Ea Wer, Ea Huar, Krông Na, Tân Hòa, Cuôr Knia, Ea Nuôl. |

**10.3. Huyện Lắk**

|  |
| --- |
| **Các xã đặc biệt khó khăn:**  |
| Yang Tao, Bông Krang, Đắk Liêng, Đắk Phơi, Đắk Nuê, Krông Nô, Nam Ka, Ea R‘bin, Buôn Triết. |
| **Thôn, buôn đặc biệt khó khăn:**  |
| 1 | Thị trấn Liên Sơn | Buôn Jun, Lê, Dơng Kriêng. |
| 2 | Xã Buôn Tría | Buôn Tría |

**10.4. Huyện M’Đrắk**

|  |
| --- |
| **Xã đặc biệt khó khăn:** |
| Krông Jing, Krông Á, Cư San, Ea M‘đoal, Cư Prao, Cư Króa, Cư Mta, Ea Trang. |
| **Thôn, buôn đặc biệt khó khăn:** |
| 1 | Xã Ea Lai | Buôn CưPrao |
| 2 | Xã Ea Pil | Thôn 1, 5, 8, 14. |

**10.5. Huyện Krông Bông**

|  |
| --- |
| **Xã đặc biệt khó khăn:**  |
| Yang Reh, Hoà Phong, Yang Mao, Dang Kang, Cư Đrăm, Ea Trul, Cư Pui. |
| **Thôn, buôn đặc biệt khó khăn:** |
| Xã Hòa Sơn | Buôn Ja |

**10.6. Huyện Ea H’Leo**

|  |
| --- |
| **Xã đặc biệt khó khăn:** Ea Tir, Cư Amung. |
| **Thôn, buôn đặc biệt khó khăn:** |
| 1 | Xã Ea Sol | Buôn Chăm, Kry |
| 2 | Xã Ea Hiao | Thôn 7C, buôn Krái. |
| 3 | Xã Ea Răl | Buôn Tùng Xê, Tùng Tăh. |
| 4 | Xã Ea Khăl | Thôn 13, 14. |
| 5 | Xã Ea Nam | Thôn 8 |
| 6 | Xã Ea Wy | Thôn 1C |

**10.7. Huyện Krông Búk**

|  |
| --- |
| **Xã đặc biệt khó khăn:** Ea Sin. |
| **Thôn, buôn đặc biệt khó khăn:**  |
| 1 | Xã Pơng Đrang | Buôn Tâng Mai |
| 2 | Xã Cư Pơng | Buôn Khal, Kđoh, Ea Túk, Cư Hiăm. |
| 3 | Xã Cư Né | Buôn Ea Zin, Mùi 1, Mùi 2, Kô, Kdrô 1, Kdrô 2, Kmu. |
| 4 | Xã Chư Kbô | Buôn Ea Nho |

**10.8. Huyện Krông Năng**

|  |
| --- |
| **Các xã đặc biệt khó khăn:** |
| Ea Dăh, Cư Klông, Ea Púk, Ea Hồ. |
| **Thôn, buôn đặc biệt khó khăn:**  |
| 1 | Xã Đliêya | Buôn Kmang, Yoh, Yun, Ea Dua, Juk, Tleh, Dliêya A, thôn Tân Hiệp, Ea Lê, EaTu. |
| 2 | Xã Ea Tam | Buôn Trăp |
| 3 | Xã Tam Giang | Thôn Giang Thọ |

**10.9. Huyện Krông Pắk**

|  |
| --- |
| **Xã đặc biệt khó khăn:**  |
| Êa Yiêng, Ea Hiu, Vụ Bổn. |
| **Thôn, buôn đặc biệt khó khăn:** |
| 1 | Xã Êa Uy | Buôn Hằng 1c, Đăkrơ Leang 1, Hằng 1a. |
| 2 | Xã Tân Tiến | Buôn Kplang, Eadrai, Eadrai A. |
| 3 | Xã Ea Phê | Buôn Ea Su |
| 4 | Xã Krông Búk | Buôn Ea Oh, Mbê. |

**10.10. Huyện Ea Kar**

|  |
| --- |
| **Xã đặc biệt khó khăn:** |
| Cư Yang, Cư Prông, Cư Elang, Cư Bông, Ea Sô, Ea Sar. |
| **Thôn, buôn đặc biệt khó khăn:**  |
| 1 | Xã Ea Ô | Thôn 2C |
| 2 | Xã Cư Ni | Buôn Ea Ga, Ea Knuốp. |
| 3 | Xã Cư Huê | Buôn M’Hăng, M’ar. |
| 4 | xã Ea Păl | Thôn 6B |

**10.11. Huyện Krông Ana**

|  |
| --- |
| **Thôn, buôn đặc biệt khó khăn:**  |
| 1 | Thị trấn Buôn Trấp | Buôn Trấp, Rung, Êcăm. |
| 2 | Xã Ea Bông | Buôn Nắc, Dhăm, Hma,Riăng, Knul. |
| 3 | Xã Dur Kmăl | Buôn Dur1 |
| 4 | Xã Ea Na | Buôn Tơ Lơ, Cuăh. |

**10.12. Huyện Cư Kuin**

|  |
| --- |
| **Thôn, buôn đặc biệt khó khăn:**  |
| 1 | Xã Ea Ning | Buôn Pưk Prông |
| 2 | Xã Cư Êwi | Buôn Tăk M’nga |
| 3 | Xã Hòa Hiệp | Buôn Cư Knao |
| 4 | Xã Ea Tiêu | Buôn Knir |

**10.13. Thị xã Buôn Hồ**

|  |
| --- |
| **Thôn, buôn đặc biệt khó khăn:**  |
| 1 | Xã Ea Drông | Buôn Ea Kjoh A; thôn 8. |
| 2 | Xã Ea Siên | Thôn 2A, 6A; buôn Dlung 2. |

**10.14. Huyện Cư M’gar**

|  |
| --- |
| **Thôn, buôn đặc biệt khó khăn:**  |
| 1 | Xã Ea Kuêh | Buôn Hlúk, Xê Đăng. |
| 2 | Xã Ea M’droh | Thôn Đồng Giao |
| 3 | Xã Ea Kiết | Buôn Hmông |

**11. Giấy giới thiệu về trợ giúp pháp lý**

*Mẫu số 13-TP-TGPL(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BTP)*

|  |  |
| --- | --- |
| **UBND XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN…-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc---------------** |
| Số: (1)..../GGT | *……., ngày … tháng … năm …* |

**GIẤY GIỚI THIỆU VỀ TRỢ GIÚP PHÁP LÝ**

Kính gửi: (2) ………………………………………………….

Căn cứ vào vụ việc tố tụng liên quan đến người thuộc diện được trợ giúp pháp lý cư trú trên địa bàn.

Ủy ban nhân dân giới thiệu để (2.........................................................................

.................................................................................................................................

kiểm tra thông tin về người thuộc diện được trợ giúp pháp lý đối với ông/bà (3)

.................................................................................................................................

Nơi cư trú: (4) .........................................................................................................

.................................................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- (3);- Lưu: VT. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN***(Ký tên, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)* |

***Ghi chú:***

*(1) Số, ký hiệu văn bản; (2) Ghi đầy đủ tên Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh/thành phố hoặc Chi nhánh của Trung tâm; (3) Họ và tên của người thuộc diện được trợ giúp pháp lý; (4) nơi cư trú ghi rõ là nơi thường trú hoặc nơi tạm trú (số nhà, ngõ, ngách, tổ, đường, thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố, số điện thoại liên hệ (nếu có)).*